TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST Ngày: 23-9-2025 V/v *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Liệu.

2. Bà Nguyễn Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thanh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 256/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Thanh H, sinh năm 2005.

Số căn cước công dân: 068305007215 cấp ngày 13/5/2021.

Địa chỉ: Tổ T, phường L - Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn L, sinh năm 1993.

Số căn cước công dân: 075093010163 cấp ngày 12/8/2021.

Địa chỉ: Số D, khu A, ấp H, xã Đ, tỉnh Đồng Nai

(Chị H và anh L đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 07/5/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L tự nguyện kết hôn năm 2024; được UBND phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 08/04/2024. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không hạnh phúc do vợ chồng cãi nhau, không còn hợp nhau về quan điểm sống, không còn tình cảm vợ chồng. Do đó hiện nay vợ chồng đã không còn chung sống cùng nhau. Chị nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể đoàn tụ chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn L.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Lê Hoàng Phúc H1, sinh ngày 07/7/2024. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì chị bận công việc nên yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Ngoài ra chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề khác.

- Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Lê Văn L đúng theo quy định pháp luật nhưng anh L không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

- Quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát và giao, tống đạt văn bản tố tụng: Tòa án xác định và đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đời sống chung của vợ chồng chị H, anh L không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xem xét, giải quyết cho chị H được ly hôn với anh L.

Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh L vì chị H không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, không giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Lê Văn L có nơi cư trú tại xã Đ, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đồng Nai theo quy định khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 1 Luật sửa đổi một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Chị Hoàng Thị Thanh H khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về luật áp dụng: Chị Hoàng Thị Thanh H và anh Lê Văn L đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 08/4/2024 nên áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Thanh H và anh Lê Văn L đã tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 08/4/2024 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Chị H xin ly hôn vì lý do vợ chồng cãi nhau, không còn hợp nhau về quan điểm sống, không còn tình cảm vợ chồng nên đã không còn chung sống với nhau. Anh L đã được triệu tập đến Tòa án để hòa giải, đoàn tụ nhưng không đến. Xác minh tại địa phương cho thấy vợ chồng chị H, anh L có mâu thuẫn nên đã không còn chung sống với nhau từ tháng 8/2024 đến nay. Xét thấy hôn nhân vợ chồng chị H, anh L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị Hoàng Thị Thanh H được ly hôn với anh Lê Văn L là phù hợp quy định tại Điều 51, 53, 54, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị H và anh L có 01 con chung tên là Lê Hoàng Phúc H1, sinh ngày 07/7/2024. Chị H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo

dục con chung và không yêu cầu anh L không cấp dưỡng nuôi con. Anh L không nộp văn bản trình bày ý kiến về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh về khả năng, điều kiện nuôi con. Xác minh tại địa phương thể hiện anh L không có công việc, thu nhập ổn định. Do đó giao con chung cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp với lợi ích của con theo quy định tại Mục 1 Chương V Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời anh L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh L được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, các bên được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị La Thị P phải chịu 300.000đ tiền án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Xét Quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 68, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Thanh H được ly hôn với anh Lê Văn L.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Lê Hoàng Phúc H1, sinh ngày 07/7/2024 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời anh L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh L được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, các bên được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Hoàng Thị Thanh H phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số 0011820 ngày 16/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán (nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Đồng Nai) được chuyển thành tiền án phí. Chị Hoàng Thị Thanh H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị Thanh H và anh Lê Văn L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- VKSND KV7-Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự KV7-Đồng Nai;
- UBND phường Lâm Viên – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (GCNKH số 17 ngày 08/4/2024);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thanh Thái